

Số: 2035/QĐ-BHXH

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**PHÊ DUYỆT DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM
NGÀNH BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM**

TỔNG GIÁM ĐỐC BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

Căn cứ Nghị định số 89/2020/NĐ-CP ngày 04/8/2020 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bảo hiểm xã hội Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 20/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 11/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Nội vụ;

Công văn số 6139/BNV-TCBC ngày 20/10/2023 của Bộ Nội vụ về việc xây dựng Đề án và phê duyệt vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp; Công văn số 7269/BNV-TCBC ngày 11/12/2023 của Bộ Nội vụ về việc triển khai xây dựng và phê duyệt vị trí việc làm; Công văn số 7583/BNV-TCBC ngày 23/12/2023 về việc hướng dẫn một số nội dung vướng mắc trong việc xây dựng Đề án và phê duyệt vị trí việc làm;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục vị trí việc làm ngành Bảo hiểm xã hội Việt Nam gồm:

- Danh mục vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý tại Phụ lục I.
- Danh mục vị trí việc làm viên chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung tại Phụ lục II.
- Danh mục vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành tại Phụ lục III.
- Danh mục vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ tại Phụ lục IV.

Điều 2. Xây dựng và phê duyệt Đề án vị trí việc làm

1. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Giám đốc Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm xây dựng Đề án vị trí việc làm, bản mô tả công việc và khung năng lực từng vị trí việc làm theo Danh mục tại Điều 1, trình Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam phê duyệt.

2. Vụ Tổ chức cán bộ thực hiện thẩm định Đề án vị trí việc làm trước khi trình Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam phê duyệt.

Điều 3. Tổ chức thực hiện và hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế: Quyết định số 1033/QĐ-BHXH ngày 27/10/2021 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam về việc phê duyệt “Đề án vị trí việc làm ngành Bảo hiểm xã hội Việt Nam”; Quyết định số 708/QĐ-BHXH ngày 19/5/2023 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam phê duyệt danh mục vị trí việc làm ngành BHXH Việt Nam và Quyết định số 1313/QĐ-BHXH ngày 15/9/2023 về việc sửa đổi, bổ sung danh mục vị trí việc làm ngành BHXH Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 708/QĐ-BHXH của Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam.

2. Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ; Chánh Văn phòng Bảo hiểm xã hội Việt Nam; Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam ở Trung ương; Giám đốc Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ (để b/c);
- Các Phó TGD;
- VP HĐQT BHXH;
- Lưu: VT, TCCB.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thế Mạnh

PHỤ LỤC SỐ I

DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ THUỘC HỆ THỐNG BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2035/QĐ-BHXH ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam)

STT	Tên Vị trí việc làm	Căn cứ	Đơn vị áp dụng
I	Lãnh đạo Bảo hiểm xã hội Việt Nam		Lãnh đạo BHXH Việt Nam
1	Tổng Giám đốc	Quy định tại Mục II VTVL lãnh đạo, quản lý của cơ quan thuộc Chính phủ (số thứ tự 1), Phụ lục I Danh mục VTVL công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, tổ chức hành chính (Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ - Bản mô tả VTVL của Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ)	
2	Phó Tổng Giám đốc	Quy định tại Mục II VTVL lãnh đạo, quản lý của cơ quan thuộc Chính phủ (số thứ tự 2) Phụ lục I Danh mục VTVL công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, tổ chức hành chính (Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ - Bản mô tả VTVL của Phó Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ)	
II	Các chức danh lãnh đạo khác		
3	Phó Bí thư thường trực Đảng ủy cơ quan BHXH Việt Nam	Quy định tại Mục II VTVL lãnh đạo, quản lý của cơ quan thuộc Chính phủ, Phụ lục I Danh mục VTVL công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, tổ chức hành chính (Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ - Bản mô tả VTVL của Phó Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ);	Đảng ủy cơ quan BHXH Việt Nam
III	Đơn vị chuyên môn giúp việc		

4	Vụ trưởng	Quy định tại Mục II VTVL lãnh đạo, quản lý của cơ quan thuộc Chính phủ (số thứ tự 5), Phụ lục I Danh mục VTVL công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, tổ chức hành chính (Thông tư 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL về chức danh Vụ trưởng)	Các đơn vị cấp Vụ trực thuộc BHXH Việt Nam
5	Trưởng ban	Quy định tại Mục II VTVL lãnh đạo, quản lý của cơ quan thuộc Chính phủ (số thứ tự 4), Phụ lục I Danh mục VTVL công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, tổ chức hành chính (Thông tư 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL về chức danh Trưởng ban)	Các đơn vị cấp Ban trực thuộc BHXH Việt Nam
6	Chánh Văn phòng (Chánh Văn phòng BHXH Việt Nam/Chánh Văn phòng Hội đồng quản lý BHXH/Chánh Văn phòng Ban Cán sự Đảng BHXH Việt Nam/Chánh Văn phòng Đảng ủy cơ quan BHXH Việt Nam/Trưởng các ban tham mưu, giúp việc Đảng ủy cơ quan)	Quy định tại Mục II VTVL lãnh đạo, quản lý của cơ quan thuộc Chính phủ (số thứ tự 3), Phụ lục I Danh mục VTVL công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, tổ chức hành chính (Thông tư 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL về chức danh Chánh Văn phòng)	Văn phòng BHXH Việt Nam/Văn phòng Hội đồng quản lý BHXH/Văn phòng Ban Cán sự Đảng BHXH Việt Nam/ Đảng ủy cơ quan BHXH Việt Nam
7	Phó Vụ trưởng	Quy định tại Mục II VTVL lãnh đạo, quản lý của cơ quan thuộc Chính phủ (số thứ tự 8), Phụ lục I Danh mục VTVL công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, tổ chức hành chính (Thông tư 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL về chức danh Phó Vụ trưởng)	Các đơn vị cấp Vụ trực thuộc BHXH Việt Nam
8	Phó Trưởng ban	Quy định tại Mục II VTVL lãnh đạo, quản lý của cơ quan thuộc Chính phủ (số thứ tự 7), Phụ lục I Danh mục VTVL công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, tổ chức hành chính (Thông tư 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL về chức danh Phó Trưởng ban)	Các đơn vị cấp Ban trực thuộc BHXH Việt Nam

9	Phó Chánh Văn phòng (Phó Chánh Văn phòng BHXH Việt Nam/Phó Chánh Văn phòng Hội đồng quản lý BHXH/Phó Chánh Văn phòng Ban Cán sự Đảng BHXH Việt Nam/Phó Chánh Văn phòng Đảng ủy cơ quan BHXH Việt Nam/ Phó Chủ tịch chuyên trách Công đoàn BHXH Việt Nam/ Phó Trưởng các Ban tham mưu, giúp việc Đảng ủy cơ quan)	Quy định tại Mục II VTVL lãnh đạo, quản lý của cơ quan thuộc Chính phủ (số thứ tự 6), Phụ lục I Danh mục VTVL công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, tổ chức hành chính (Thông tư 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL về chức danh Phó Chánh Văn phòng)	Văn phòng BHXH Việt Nam/Văn phòng Hội đồng quản lý BHXH/Văn phòng Ban Cán sự Đảng BHXH Việt Nam/ Đảng ủy cơ quan BHXH Việt Nam/Công đoàn BHXH Việt Nam
10	Trưởng phòng và tương đương	Quy định tại Mục II VTVL lãnh đạo, quản lý của cơ quan thuộc Chính phủ (số thứ tự 9), Phụ lục I Danh mục VTVL công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, tổ chức hành chính (Thông tư 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL về chức danh Trưởng phòng)	Các đơn vị chuyên môn giúp việc Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam
11	Phó Trưởng phòng và tương đương	Quy định tại Mục II VTVL lãnh đạo, quản lý của cơ quan thuộc Chính phủ (số thứ tự 10), Phụ lục I Danh mục VTVL công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, tổ chức hành chính (Thông tư 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL về chức danh Phó Trưởng phòng)	Các đơn vị chuyên môn giúp việc Tổng Giám đốc BHXH Việt Nam
III Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc			
12	Trưởng ban (Giám đốc Trung tâm/ Viện trưởng/ Hiệu trưởng/Giám đốc Ban Quản lý dự án/Tổng Biên tập)	Quy định tại Mục II VTVL lãnh đạo, quản lý của cơ quan thuộc Chính phủ (số thứ tự 4), Phụ lục I Danh mục VTVL công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, tổ chức hành chính (Thông tư 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL về chức danh Trưởng ban)	Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc BHXH Việt Nam ở Trung ương

13	Phó Trưởng ban (Phó Giám đốc Trung tâm/ Phó Viện trưởng/ Phó Hiệu trưởng/Phó Giám đốc Ban Quản lý dự án/Phó Tổng Biên tập)	Quy định tại Mục II VTVL lãnh đạo, quản lý của cơ quan thuộc Chính phủ (số thứ tự 7), Phụ lục I Danh mục VTVL công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, tổ chức hành chính (Thông tư 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL về chức danh Phó Trưởng ban)	Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc BHXH Việt Nam ở Trung ương
14	Trưởng phòng và tương đương (Chánh Văn phòng/Trưởng khoa/Giám đốc cơ sở bồi dưỡng)	Quy định tại Mục II VTVL lãnh đạo, quản lý của cơ quan thuộc Chính phủ (số thứ tự 9), Phụ lục I Danh mục VTVL công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, tổ chức hành chính (Thông tư 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL về chức danh Trưởng phòng)	Văn phòng /Phòng Tổ chức - Hành chính/ Phòng Hành chính - Trị sự thuộc các đơn vị sự nghiệp trực thuộc BHXH Việt Nam ở Trung ương; Khoa/cơ sở bồi dưỡng thuộc Trường đào tạo nghiệp vụ BHXH
15	Phó Trưởng phòng và tương đương (Phó Chánh Văn phòng/Phó Trưởng khoa/Phó Giám đốc cơ sở bồi dưỡng)	Quy định tại Mục II VTVL lãnh đạo, quản lý của cơ quan thuộc Chính phủ (số thứ tự 10), Phụ lục I Danh mục VTVL công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, tổ chức hành chính (Thông tư 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL về chức danh Phó Trưởng phòng)	Văn phòng/Phòng Tổ chức - Hành chính/Phòng Hành chính - Trị sự thuộc các đơn vị sự nghiệp trực thuộc BHXH Việt Nam ở Trung ương; Khoa/cơ sở bồi dưỡng thuộc Trường đào tạo nghiệp vụ BHXH
IV	BHXH địa phương		
16	Giám đốc Sở và tương đương (Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)	Quy định tại Mục IV. VTVL lãnh đạo, quản lý ở cấp tỉnh (số thứ tự 4) Phụ lục I Danh mục VTVL công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, tổ chức hành chính (Thông tư 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL về chức danh Giám đốc Sở và tương đương)	Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

17	Phó Giám đốc Sở và tương đương (Phó Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)	Quy định tại Mục IV. VTVL lãnh đạo, quản lý ở cấp tỉnh (số thứ tự 9) Phụ lục I Danh mục VTVL công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, tổ chức hành chính (Thông tư 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL về chức danh Phó Giám đốc Sở và tương đương)	
18	Trưởng phòng thuộc Sở và tương đương (Trưởng phòng thuộc BHXH tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)	Quy định tại Mục IV. VTVL lãnh đạo, quản lý ở cấp tỉnh (số thứ tự 16) Phụ lục I Danh mục VTVL công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, tổ chức hành chính (Thông tư 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL về chức danh Trưởng phòng thuộc Sở và tương đương)	
19	Chánh Văn phòng thuộc Sở và tương đương (Chánh Văn Phòng Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)	Quy định tại Mục IV. VTVL lãnh đạo, quản lý ở cấp tỉnh (số thứ tự 15) Phụ lục I Danh mục VTVL công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, tổ chức hành chính (Thông tư 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL về chức danh Chánh Văn phòng thuộc Sở và tương đương)	
20	Phó Trưởng phòng thuộc Sở và tương đương (Phó Trưởng phòng thuộc BHXH tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)	Quy định tại Mục IV. VTVL lãnh đạo, quản lý ở cấp tỉnh (số thứ tự 19) Phụ lục I Danh mục VTVL công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, tổ chức hành chính (Thông tư 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL về chức danh Phó Trưởng phòng thuộc Sở và tương đương)	
21	Phó Chánh Văn phòng thuộc Sở và tương đương (Phó Chánh Văn Phòng Bảo hiểm xã hội cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)	Quy định tại Mục IV. VTVL lãnh đạo, quản lý ở cấp tỉnh (số thứ tự 18) Phụ lục I Danh mục VTVL công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, tổ chức hành chính (Thông tư 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL về chức danh Phó Chánh Văn phòng thuộc Sở và tương đương)	Bảo hiểm xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

22	Trưởng phòng và tương đương (Giám đốc Bảo hiểm xã hội cấp quận, huyện, thị xã, thành phố)	Quy định tại Mục V. VTVL lãnh đạo, quản lý ở cấp huyện (số thứ tự 3) Phụ lục I Danh mục VTVL công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, tổ chức hành chính (Thông tư 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL về chức danh Trưởng phòng tương đương)	Bảo hiểm xã hội cấp quận, huyện, thị xã, thành phố
23	Phó Trưởng phòng và tương đương (Phó Giám đốc Bảo hiểm xã hội cấp quận, huyện, thị xã, thành phố)	Quy định tại Mục V. VTVL lãnh đạo, quản lý ở cấp huyện (số thứ tự 6) Phụ lục I Danh mục VTVL công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, tổ chức hành chính (Thông tư 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL về chức danh Phó Trưởng phòng tương đương)	
24	Đội trưởng thuộc Chi cục thuộc Sở (Tổ trưởng Tổ nghiệp vụ thuộc BHXH cấp Quận, huyện, thị xã, thành phố)	Quy định tại Mục IV. VTVL lãnh đạo, quản lý ở cấp tỉnh (số thứ tự 23) Phụ lục I Danh mục VTVL công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, tổ chức hành chính (Thông tư 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL về chức danh Đội trưởng thuộc Chi cục thuộc Sở)	
25	Phó Đội trưởng thuộc Chi cục thuộc Sở (Phó Tổ trưởng Tổ nghiệp vụ thuộc BHXH cấp Quận, huyện, thị xã, thành phố)	Quy định tại Mục IV. VTVL lãnh đạo, quản lý ở cấp tỉnh (số thứ tự 24) Phụ lục I Danh mục VTVL công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan, tổ chức hành chính (Thông tư 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL về chức danh Phó Đội trưởng thuộc Chi cục thuộc Sở)	

Đối với các đơn vị: Văn phòng Ban Cán sự đảng, Đảng ủy cơ quan BHXH Việt Nam, Công đoàn cơ quan BHXH Việt Nam, BHXH Việt Nam tạm thời áp dụng VTVL tại 04 Phụ lục kèm theo Quyết định này cho đến khi có hướng dẫn mới của cấp có thẩm quyền.

PHỤ LỤC II

DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM VIÊN CHỨC NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN DÙNG CHUNG THUỘC HỆ THỐNG BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2035/QĐ-BHXH ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam)

STT	Tên Vị trí việc làm	Tương ứng ngạch	Cấp Trung ương	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Căn cứ	Đơn vị áp dụng
I	Lĩnh vực Thanh tra - Kiểm tra						
1	Chuyên viên chính về công tác thanh tra	Chuyên viên chính	x			Quy định tại Phụ lục I (số thứ tự 5) VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành thanh tra (Thông tư số 01/2023/TT-TTCT hướng dẫn về VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành Thanh tra của Thanh tra Chính phủ, Bản mô tả VTVL chuyên viên chính về công tác thanh tra)	Vụ Thanh tra - Kiểm tra; Phòng Thanh tra - Kiểm tra thuộc BHXH cấp tỉnh; BHXH cấp huyện
2	Chuyên viên về công tác thanh tra	Chuyên viên	x	x	x	Quy định tại Phụ lục I (số thứ tự 6) VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành thanh tra (Thông tư số 01/2023/TT-TTCT hướng dẫn về VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành Thanh tra của Thanh tra Chính phủ, Bản mô tả VTVL chuyên viên về công tác thanh tra)	
3	Chuyên viên chính về tiếp công dân và xử lý đơn	Chuyên viên chính	x			Quy định tại Phụ lục I (số thứ tự 11) VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành thanh tra (Thông tư số 01/2023/TT-TTCT hướng dẫn về VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành Thanh tra của Thanh tra Chính phủ, Bản mô tả VTVL chuyên viên chính về tiếp công dân và xử lý đơn)	

4	Chuyên viên về tiếp công dân và xử lý đơn	Chuyên viên	x	x	x	Quy định tại Phụ lục I (số thứ tự 12) VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành thanh tra (Thông tư số 01/2023/TT-TTCP hướng dẫn về VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành Thanh tra của Thanh tra Chính phủ, Bản mô tả VTVL chuyên viên về tiếp công dân và xử lý đơn)	
5	Chuyên viên chính về giải quyết khiếu nại, tố cáo	Chuyên viên chính	x			Quy định tại Phụ lục I (số thứ tự 17) VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành thanh tra (Thông tư số 01/2023/TT-TTCP hướng dẫn về VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành Thanh tra của Thanh tra Chính phủ, Bản mô tả VTVL chuyên viên chính về giải quyết khiếu nại, tố cáo)	
6	Chuyên viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	Chuyên viên	x	x	x	Quy định tại Phụ lục I (số thứ tự 17) VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành thanh tra (Thông tư số 01/2023/TT-TTCP hướng dẫn về VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành Thanh tra của Thanh tra Chính phủ, Bản mô tả VTVL chuyên viên về giải quyết KNTC)	Vụ Thanh tra - Kiểm tra; Phòng Thanh tra - Kiểm tra thuộc BHXH cấp tỉnh; BHXH cấp huyện
II	Lĩnh vực hợp tác quốc tế						
7	Chuyên viên chính về Hợp tác quốc tế	Chuyên viên chính	x			Quy định tại PL II danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung trong cơ quan, tổ chức hành chính, Mục II Lĩnh vực Hợp tác quốc tế (số thứ tự 2) ban hành kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL chuyên viên chính về Hợp tác quốc tế	Vụ Hợp tác quốc tế

8	Chuyên viên về Hợp tác quốc tế	Chuyên viên	x			Quy định tại PL II danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung trong cơ quan, tổ chức hành chính, Mục II Lĩnh vực Hợp tác quốc tế (số thứ tự 3) ban hành kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL chuyên viên về Hợp tác quốc tế	
III Lĩnh vực Pháp chế							
9	Chuyên viên chính về Pháp chế	Chuyên viên chính	x			Quy định tại PL II danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung trong cơ quan, tổ chức hành chính Mục III Lĩnh vực Pháp chế (số thứ tự 2) ban hành kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL chuyên viên chính về Pháp chế	Vụ Pháp chế; Văn phòng BHXH cấp tỉnh
10	Chuyên viên về Pháp chế	Chuyên viên	x	x		Quy định tại PL II danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung trong cơ quan, tổ chức hành chính Mục III Lĩnh vực Pháp chế (số thứ tự 3) ban hành kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL chuyên viên về Pháp chế	
IV Lĩnh vực tổ chức cán bộ, thi đua khen thưởng, cải cách hành chính							
11	Chuyên viên chính về tổ chức bộ máy	Chuyên viên chính	x			Quy định tại Mục I Lĩnh vực tổ chức bộ máy (số thứ tự 2), Phụ lục IIB Bản mô tả công việc và khung năng lực của vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành nội vụ ngạch chuyên viên chính (Thông tư số 11/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022- Bản mô tả VTVL chuyên viên chính về tổ chức bộ máy	Vụ Tổ chức cán bộ; Phòng Tổ chức cán bộ thuộc BHXH cấp tỉnh; Văn phòng/ Phòng Tổ chức - Hành

12	Chuyên viên về tổ chức bộ máy	Chuyên viên	x	x	Quy định tại Mục I Lĩnh vực tổ chức bộ máy (số thứ tự 3), Phụ lục IIC Bản mô tả công việc và khung năng lực của vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành nội vụ ngạch chuyên viên (Thông tư số 11/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022- Bản mô tả VTVL chuyên viên về tổ chức bộ máy	chính/Phòng Hành chính - Trị sự của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc BHXH Việt Nam
13	Chuyên viên chính về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên chính	x		Quy định tại Mục 2 quản lý nguồn nhân lực (số thứ tự 2), Phụ lục IIB Bản mô tả công việc và khung năng lực của vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành nội vụ ngạch chuyên viên chính (Thông tư số 11/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022- Bản mô tả VTVL chuyên viên chính về Quản lý nguồn nhân lực	
14	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên	x	x	Quy định tại Mục 2 quản lý nguồn nhân lực (số thứ tự 3), Phụ lục IIC Bản mô tả công việc và khung năng lực của vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành nội vụ ngạch chuyên viên (Thông tư số 11/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022- Bản mô tả VTVL chuyên viên về Quản lý nguồn nhân lực	
15	Chuyên viên chính về cải cách hành chính	Chuyên viên chính	x		Quy định tại PL I mục IV Lĩnh vực cải cách hành chính (số thứ tự 2); PL IIB Bản mô tả công việc và khung năng lực của VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành nội vụ ngạch chuyên viên chính (Thông tư số 11/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022- Bản mô tả VTVL chuyên viên chính về CCHC)	Vụ Pháp chế; Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính thuộc Văn phòng BHXH Việt Nam; Văn phòng/Phòng

16	Chuyên viên về cải cách hành chính	Chuyên viên	x	x	Quy định tại PL I Mục IV Lĩnh vực cải cách hành chính (số thứ tự 3); PL IIC Bản mô tả công việc và khung năng lực của VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành nội vụ ngạch chuyên viên (Thông tư số 11/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022- Bản mô tả VTVL chuyên viên về CCHC)	Tổ chức - Hành chính/Phòng Hành chính - Trị sự của các đơn vị sự nghiệp; Phòng Tổ chức cán bộ thuộc BHXH cấp tỉnh
17	Chuyên viên chính về thi đua, khen thưởng	Chuyên viên chính	x		Quy định tại PL I mục V Lĩnh vực thi đua, khen thưởng (số thứ tự 2); PL IIB Bản mô tả công việc và khung năng lực của VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành nội vụ ngạch chuyên viên chính (Thông tư số 11/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022- Bản mô tả VTVL chuyên viên chính về thi đua, khen thưởng)	Vụ Thi đua - Khen thưởng; Văn phòng/Phòng Tổ chức - Hành chính/Phòng Hành chính - Trị sự của các đơn vị sự nghiệp; Phòng Tổ chức cán bộ thuộc BHXH cấp tỉnh
18	Chuyên viên về thi đua, khen thưởng	Chuyên viên	x	x	Quy định tại PL I mục V Lĩnh vực thi đua, khen thưởng (số thứ tự 3); PL IIC Bản mô tả công việc và khung năng lực của VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành nội vụ ngạch chuyên viên (Thông tư số 11/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022- Bản mô tả VTVL chuyên viên về thi đua, khen thưởng)	
V	Lĩnh vực về kế hoạch, tài chính					
19	Chuyên viên chính về Kế hoạch đầu tư	Chuyên viên chính	x		Quy định tại Phụ lục II, mục VI Lĩnh vực Kế hoạch, tài chính (số thứ tự 2) ban hành kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL chuyên viên chính về Kế hoạch đầu tư	Vụ Kế hoạch và Đầu tư; Phòng Kế hoạch - Tài chính thuộc BHXH tỉnh
20	Chuyên viên về Kế hoạch đầu tư	Chuyên viên	x	x	Quy định tại Phụ lục II, mục VI Lĩnh vực Kế hoạch, tài chính (số tt 3) ban hành kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL chuyên viên về Kế hoạch đầu tư	

21	Chuyên viên chính về Thống kê	Chuyên viên chính	x			Quy định tại Phụ lục II, mục VI Lĩnh vực Kế hoạch, tài chính (số thứ tự 5) ban hành kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL chuyên viên chính về Thống kê	Vụ Kế hoạch và Đầu tư
22	Chuyên viên về Thống kê	Chuyên viên	x			Quy định tại Phụ lục II, mục VI Lĩnh vực Kế hoạch, tài chính (số thứ tự 6) ban hành kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL chuyên viên về Thống kê	
23	Chuyên viên chính về Tài chính	Chuyên viên chính	x			Quy định tại Phụ lục II danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung trong cơ quan, tổ chức hành chính, mục VI Lĩnh vực Kế hoạch, tài chính (số thứ tự 8) ban hành kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL chuyên viên chính về Tài chính	Vụ Tài chính - Kế toán; Phòng Tài vụ thuộc Văn phòng BHXH Việt Nam; Văn phòng/ Phòng Tài chính - Kế toán của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc BHXH Việt Nam; Phòng Kế hoạch - Tài chính thuộc BHXH cấp tỉnh; BHXH cấp huyện;
24	Chuyên viên về Tài chính	Chuyên viên	x	x	x	Quy định tại Phụ lục II danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung trong cơ quan, tổ chức hành chính, mục VI Lĩnh vực Kế hoạch, tài chính (số thứ tự 9) ban hành kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL chuyên viên về Tài chính	
25	Kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán)		x	x	x	Quy định tại Phụ lục II danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung trong cơ quan, tổ chức hành chính, mục VI Lĩnh vực Kế hoạch, tài chính (số thứ tự 10) ban hành kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL về VTVL Kế toán trưởng	

26	Kế toán viên chính	Chuyên viên chính	x			Quy định tại Phụ lục II danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung trong cơ quan, tổ chức hành chính, mục VI Lĩnh vực Kế hoạch, tài chính (số thứ tự 11) ban hành kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL về VTVL Kế toán viên chính	
27	Kế toán viên	Chuyên viên	x	x	x	Quy định tại Phụ lục II danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung trong cơ quan, tổ chức hành chính, mục VI Lĩnh vực Kế hoạch, tài chính (số thứ tự 12) ban hành kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL về VTVL Kế toán viên	Vụ Tài chính - Kế toán; Phòng Tài vụ thuộc Văn phòng BHXH Việt Nam; Văn phòng/Phòng Tài chính - Kế toán của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc BHXH Việt Nam;
28	Kế toán viên trung cấp	Cán sự		x	x	Quy định tại Phụ lục II danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung trong cơ quan, tổ chức hành chính, mục VI Lĩnh vực Kế hoạch, tài chính (số thứ tự 13) ban hành kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL về VTVL Kế toán viên trung cấp	Phòng Kế hoạch - Tài chính thuộc BHXH cấp tỉnh; BHXH cấp huyện
29	Chuyên viên thủ quỹ	Chuyên viên	x	x	x	Quy định tại Phụ lục II danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung trong cơ quan, tổ chức hành chính, mục VI Lĩnh vực Kế hoạch, tài chính (số thứ tự 14) ban hành kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL về VTVL chuyên viên thủ quỹ	Phòng Tài vụ thuộc Văn phòng BHXH Việt Nam; Văn phòng/Phòng Tài chính - Kế toán của các đơn vị sự

30	Cán sự Thủ quỹ	Cán sự	x	x	x	Quy định tại Phụ lục II danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung trong cơ quan, tổ chức hành chính, mục VI Lĩnh vực Kế hoạch, tài chính (số thứ tự 15) ban hành kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL về VTVL Cán sự thủ quỹ)	ng nghiệp trực thuộc BHXH Việt Nam; Phòng Kế hoạch - Tài chính thuộc BHXH cấp tỉnh; BHXH cấp huyện,
VI Lĩnh vực Văn phòng; Truyền thông; Văn thư; Lưu trữ							
31	Chuyên viên chính về Tổng hợp	Chuyên viên chính	x			Quy định tại PL II, mục V Lĩnh vực Văn phòng (số thứ tự 1) ban hành kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL chuyên viên chính về Tổng hợp	Văn phòng HĐQT BHXH, Đảng ủy cơ quan BHXH Việt Nam; Văn phòng BHXH Việt Nam; Văn phòng/Phòng Tổ chức - Hành chính/Phòng Hành chính - Trị sự thuộc các đơn vị sự nghiệp trực thuộc; Văn phòng thuộc BHXH cấp tỉnh
32	Chuyên viên về Tổng hợp	Chuyên viên	x	x		Quy định tại PL II, mục V Lĩnh vực Văn phòng (số thứ tự 2) ban hành kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL chuyên viên về Tổng hợp	
33	Chuyên viên chính về Hành chính - Văn phòng	Chuyên viên chính	x			Quy định tại Phụ lục II danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung trong cơ quan, tổ chức hành chính, mục V Lĩnh vực Văn phòng (số thứ tự 3) ban hành kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL chuyên viên chính về Hành chính - Văn phòng	Văn phòng BHXH Việt Nam; Văn phòng/Phòng Tổ chức - Hành chính/Phòng Hành chính - Trị sự của

34	Chuyên viên về Hành chính - Văn phòng	Chuyên viên	x	x	Quy định tại Phụ lục II danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung trong cơ quan, tổ chức hành chính, mục V Lĩnh vực Văn phòng (số thứ tự 4) ban hành kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL chuyên viên về Hành chính - Văn phòng	các đơn vị sự nghiệp; Văn phòng thuộc BHXH cấp tỉnh
35	Cán sự về Hành chính - Văn phòng	Cán sự	x	x	Quy định tại Phụ lục II danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung trong cơ quan, tổ chức hành chính, mục V Lĩnh vực Văn phòng (số thứ tự 5) ban hành kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL chuyên viên về Hành chính - Văn phòng	
36	Chuyên viên chính về Quản trị công sở	Chuyên viên chính	x		Quy định tại Phụ lục II danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung trong cơ quan, tổ chức hành chính, mục V Lĩnh vực Văn phòng (số thứ tự 8) ban hành kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL chuyên viên chính về Quản trị công sở	Văn phòng BHXH Việt Nam; Văn phòng/Phòng Tổ chức - Hành chính/Phòng Hành chính - Trị sự của các đơn vị sự nghiệp; Văn phòng thuộc BHXH cấp tỉnh
37	Chuyên viên về Quản trị công sở	Chuyên viên	x	x	Quy định tại Phụ lục II danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung trong cơ quan, tổ chức hành chính, mục V Lĩnh vực Văn phòng (số thứ tự 9) ban hành kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL chuyên viên về Quản trị công sở	

38	Chuyên viên chính về Truyền thông	Chuyên viên chính	x			Quy định tại Phụ lục II danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung trong cơ quan, tổ chức hành chính, mục V Lĩnh vực Văn phòng (số thứ tự 6) ban hành kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL chuyên viên chính về Truyền thông	Trung tâm Truyền thông
39	Chuyên viên về Truyền thông	Chuyên viên	x	x		Quy định tại Phụ lục II danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung trong cơ quan, tổ chức hành chính, mục V Lĩnh vực Văn phòng (số thứ tự 7) ban hành kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL chuyên viên về Truyền thông	Trung tâm Truyền thông: Phòng Truyền thông thuộc BHXH cấp tỉnh
40	Văn thư viên chính	Văn thư viên chính	x			Quy định tại Phụ lục II danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung trong cơ quan, tổ chức hành chính, mục V Lĩnh vực Văn phòng (số thứ tự 10) ban hành kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL Văn thư viên chính	Văn phòng BHXH Việt Nam; Văn phòng/Phòng Tổ chức - Hành chính/Phòng Hành chính - Trị sự của các đơn vị sự nghiệp; Văn phòng thuộc BHXH cấp tỉnh; BHXH cấp huyện
41	Văn thư viên	Văn thư viên	x	x	x	Quy định tại Phụ lục II danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung trong cơ quan, tổ chức hành chính, mục V Lĩnh vực Văn phòng (số thứ tự 11) ban hành kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL Văn thư viên	

42	Văn thư viên trung cấp	Văn thư viên trung cấp		x	x	Quy định tại Phụ lục II danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung trong cơ quan, tổ chức hành chính, mục V Lĩnh vực Văn phòng (số thứ tự 12) ban hành kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL Văn thư viên trung cấp	
43	Chuyên viên chính về lưu trữ	Chuyên viên chính	x			Quy định tại Phụ lục II danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung trong cơ quan, tổ chức hành chính, mục V Lĩnh vực Văn phòng (số thứ tự 13) ban hành kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL Chuyên viên chính về lưu trữ)	Văn phòng BHXH Việt Nam; Văn phòng/Phòng Tổ chức - Hành chính/Phòng Hành chính - Trị sự của các đơn vị sự nghiệp; Văn phòng thuộc BHXH cấp tỉnh; BHXH cấp huyện
44	Chuyên viên về lưu trữ	chuyên viên	x	x	x	Quy định tại Phụ lục II danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung trong cơ quan, tổ chức hành chính, mục V Lĩnh vực Văn phòng (số thứ tự 14) ban hành kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL chuyên viên về lưu trữ)	
45	Cán sự về lưu trữ	Cán sự		x	x	Quy định tại Phụ lục II danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung trong cơ quan, tổ chức hành chính, mục V Lĩnh vực Văn phòng (số thứ tự 15) ban hành kèm theo Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL cán sự về lưu trữ)	

PHỤ LỤC III

**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM NGHIỆP VỤ CHUYÊN NGÀNH
THUỘC HỆ THỐNG BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM (1)**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2035/QĐ-BHXH ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam)

STT	Tên VTVL	Tên vị trí việc làm tại bản mô tả của đơn vị	Tương ứng ngạch	Cấp			Căn cứ	Đơn vị áp dụng
				Cấp Trung ương	Cấp tỉnh	Cấp huyện		
1	Chuyên viên chính về BHXH	Chuyên viên chính về BHXH (Thu - Sổ, Thẻ)	Chuyên viên chính	X			Quy định tại Phụ lục I (số thứ tự 5), Thông tư số 10/2023/TT-BLĐTBXH ngày 17/10/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Hướng dẫn vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành lao động, người có công và xã hội trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực lao động, người có công và xã hội (bản mô tả VTVL chuyên viên chính về BHXH)	Ban Quản lý Thu - Sổ, Thẻ; Phòng Quản lý Thu - Sổ, Thẻ thuộc BHXH cấp tỉnh; BHXH cấp huyện
2	Chuyên viên về BHXH	Chuyên viên về BHXH (Thu -Sổ, Thẻ)	Chuyên viên	X	X	X	Quy định tại Phụ lục I (số thứ tự 6), Thông tư số 10/2023/TT-BLĐTBXH ngày 17/10/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Hướng dẫn vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành lao động, người có công và xã hội trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực lao động, người có công và xã hội (bản mô tả VTVL chuyên viên về BHXH)	

3	Chuyên viên chính về BHXH	Chuyên viên chính về BHXH (Thực hiện chính sách)	Chuyên viên chính	X			Quy định tại Phụ lục I (số thứ tự 5), Thông tư số 10/2023/TT-BLĐTBXH ngày 17/10/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Hướng dẫn vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành lao động, người có công và xã hội trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực lao động, người có công và xã hội (bản mô tả VTVL chuyên viên chính về BHXH)	Ban Thực hiện Chính sách BHXH; Phòng Chế độ BHXH thuộc BHXH tỉnh; BHXH cấp huyện
4	Chuyên viên về BHXH	Chuyên viên về BHXH (Thực hiện chính sách)	Chuyên viên	X	X	X	Quy định tại Phụ lục I (số thứ tự 6), Thông tư số 10/2023/TT-BLĐTBXH ngày 17/10/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Hướng dẫn vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành lao động, người có công và xã hội trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực lao động, người có công và xã hội (bản mô tả VTVL chuyên viên về BHXH)	
5	Chuyên viên chính về BHYT	Chuyên viên chính về BHYT (Thực hiện chính sách)	Chuyên viên chính	X			Quy định tại Phụ lục I, Mục VII Lĩnh vực BHYT (số thứ tự 2), Thông tư số 19/2023/TT-BYT ngày 6/11/2023 của Bộ Y tế Hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành y tế (bản mô tả VTVL chuyên viên chính về BHYT)	Ban Thực hiện Chính sách BHYT
6	Chuyên viên về BHYT	Chuyên viên về BHYT (Thực hiện chính sách)	Chuyên viên	X			Quy định tại Phụ lục I, Mục VII Lĩnh vực BHYT (số thứ tự 3), Thông tư số 19/2023/TT-BYT ngày 6/11/2023 của Bộ Y tế Hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành y tế (bản mô tả VTVL chuyên viên về BHYT)	

7	Chuyên viên chính về tài chính ngân hàng và các tổ chức tài chính	Chuyên viên chính về tài chính ngân hàng và các tổ chức tài chính (Đầu tư quỹ)	Chuyên viên chính	X			Quy định tại Phụ lục I (số thứ tự 29), Thông tư số 54/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 Hướng dẫn về VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành tài chính trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực tài chính	Vụ Quản lý Đầu tư quỹ
8	Chuyên viên về tài chính ngân hàng và các tổ chức tài chính	Chuyên viên về tài chính ngân hàng và các tổ chức tài chính (Đầu tư quỹ)	Chuyên viên	X			Quy định tại Phụ lục I (số thứ tự 30), Thông tư số 54/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 Hướng dẫn về VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành tài chính trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực tài chính	
9	Chuyên viên chính về Kiểm toán	Chuyên viên chính về Kiểm toán (Kiểm toán nội bộ)	Chuyên viên chính	X			Quy định tại Phụ lục I (số thứ tự 23), Thông tư số 54/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành tài chính trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực tài chính - Bản mô tả VTVL chuyên viên chính về Kiểm toán	Vụ Kiểm toán nội bộ
10	Chuyên viên về Kiểm toán	Chuyên viên về Kiểm toán (Kiểm toán nội bộ)	Chuyên viên	X			Quy định tại Phụ lục I (số thứ tự 24), Thông tư số 54/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành tài chính trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực tài chính - Bản mô tả VTVL chuyên viên về Kiểm toán	

11	Chuyên viên chính về BHYT	Chuyên viên chính về BHYT (Giám định BHYT)	Chuyên viên chính	X			Quy định tại Mục VII Lĩnh vực Bảo hiểm y tế (số thứ tự 2), Phụ lục I danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành Y tế, Thông tư số 19/2023/TT-BYT ngày 6/11/2023 Hướng dẫn VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành y tế (Bản mô tả VTVL Chuyên viên chính về BHYT)	Trung tâm Giám định BHYT và Thanh toán đa tuyến; Phòng Giám định BHYT thuộc BHXH tỉnh; BHXH cấp huyện
12	Chuyên viên về BHYT	Chuyên viên về BHYT (Giám định BHYT)	Chuyên viên	X	X	X	Quy định tại Mục VII Lĩnh vực Bảo hiểm y tế (số thứ tự 3), Phụ lục I danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành Y tế, Thông tư số 19/2023/TT-BYT ngày 6/11/2023 Hướng dẫn VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành y tế (Bản mô tả VTVL Chuyên viên về BHYT)	
13	Nghiên cứu viên chính	Nghiên cứu viên chính	Chuyên viên chính	X			Phụ lục II, (số thứ tự 2) danh mục VTVL viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ theo Thông tư số 17/2023/TT-BKHCN ngày 09/8/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ (Bản mô tả VTVL Nghiên cứu viên chính)	Viện Khoa học BHXH
14	Nghiên cứu viên	Nghiên cứu viên	Chuyên viên	X			Phụ lục II (số thứ tự 3) danh mục VTVL viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ theo Thông tư số 17/2023/TT-BKHCN ngày 09/8/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ (Bản mô tả VTVL Nghiên cứu viên)	

15	Chuyên viên chính về quản lý Công nghệ thông tin	Chuyên viên chính về quản lý Công nghệ thông tin	Chuyên viên chính	X			Quy định tại Phụ lục I, mục IX (số thứ tự 2) Thông tư số 09/2023/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông ngày 28/7/2023 Hướng dẫn VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành Thông tin và Truyền thông trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực Thông tin và Truyền thông - Bản mô tả VTVL chuyên viên chính về quản lý Công nghệ thông tin	Trung tâm Công nghệ thông tin; Phòng Công nghệ thông tin thuộc Văn phòng BHXH Việt Nam; các Phòng trực thuộc các đơn vị thuộc BHXH Việt Nam có liên quan đến lĩnh vực Công nghệ thông tin; Văn phòng BHXH cấp tỉnh (56 BHXH cấp tỉnh) và Phòng Công nghệ thông tin thuộc BHXH cấp tỉnh (07 BHXH cấp tỉnh); BHXH cấp huyện
16	Chuyên viên về quản lý Công nghệ thông tin	Chuyên viên về quản lý Công nghệ thông tin	Chuyên viên	X	X	X	Quy định tại Phụ lục I, mục IX (số thứ tự 3) Thông tư số 09/2023/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông ngày 28/7/2023 Hướng dẫn VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành Thông tin và Truyền thông trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực Thông tin và Truyền thông - Bản mô tả VTVL chuyên viên về quản lý Công nghệ thông tin	
17	Chuyên viên chính về quản lý an toàn thông tin mạng	Chuyên viên chính về quản lý an toàn thông tin mạng	Chuyên viên chính	X			Quy định tại Phụ lục I, mục XI (số thứ tự 2) Thông tư số 09/2023/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông ngày 28/7/2023 Hướng dẫn VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành Thông tin và Truyền thông trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực Thông tin và Truyền thông - Bản mô tả VTVL chuyên viên chính về quản lý an toàn thông tin mạng	Trung tâm công nghệ thông tin; các Phòng trực thuộc các đơn vị thuộc BHXH Việt Nam có liên quan đến lĩnh vực Công nghệ thông tin;

18	Chuyên viên về quản lý an toàn thông tin mạng	Chuyên viên về quản lý an toàn thông tin mạng	Chuyên viên	X	X	Quy định tại Phụ lục I, mục XI (số thứ tự 3) Thông tư số 09/2023/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông ngày 28/7/2023 Hướng dẫn VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành Thông tin và Truyền thông trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực Thông tin và Truyền thông - Bản mô tả VTVL chuyên viên về quản lý an toàn thông tin mạng	Văn phòng BHXH cấp tỉnh (56 BHXH cấp tỉnh) và Phòng Công nghệ thông tin thuộc BHXH cấp tỉnh (07 BHXH cấp tỉnh);
19	Chuyên viên chính về BHXH	Chuyên viên chính về BHXH (tư vấn, giải đáp chính sách BHXH, BHYT, BHTN)	Chuyên viên chính	X		Quy định tại Phụ lục I (số thứ tự 5), Thông tư số 10/2023/TT-BLĐTBXH ngày 17/10/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Hướng dẫn vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành lao động, người có công và xã hội trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực lao động, người có công và xã hội (bản mô tả VTVL chuyên viên chính về BHXH)	Trung tâm Dịch vụ hỗ trợ, chăm sóc khách hàng; Phòng Truyền thông thuộc BHXH cấp tỉnh; BHXH cấp huyện
20	Chuyên viên về BHXH	Chuyên viên về BHXH (tư vấn, giải đáp chính sách BHXH, BHYT, BHTN)	Chuyên viên	X	X	X	
21	Giảng viên chính	Giảng viên chính	Chuyên viên chính	X		Quy định tại Phụ lục IV (số tt 2) Danh mục VTVL lãnh đạo, quản lý trong ĐVSNCL thuộc lĩnh vực lao động, người có công (Thông tư 11/2023/TT-BLĐTBXH ngày 17/10/2023 của Bộ Lao động TBXH Bản mô tả VTVL về Giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính)	Trường Đào tạo nghiệp vụ BHXH

22	Giảng viên	Giảng viên	Chuyên viên	X		Quy định tại Phụ lục IV (số thứ tự 3) Danh mục VTVL lãnh đạo, quản lý trong ĐVSNCL thuộc lĩnh vực lao động, người có công (Thông tư 11/2023/TT-BLĐTBXH ngày 17/10/2023 của Bộ Lao động TBXH, Bản mô tả VTVL về Giảng viên giáo dục nghề nghiệp)	
23	Chuyên viên chính về quản lý báo chí	Chuyên viên chính về quản lý báo chí	Chuyên viên chính	X		Quy định tại Phụ lục I, Mục I (số thứ tự 2), Thông tư số 09/2023/TT-BTTTT ngày 28/7/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông (bản mô tả VTVL chuyên viên chính về quản lý báo chí)	Tạp chí BHHH
24	Chuyên viên về quản lý báo chí	Chuyên viên về quản lý báo chí	Chuyên viên	X		Quy định tại Phụ lục I, Mục I (số thứ tự 3), Thông tư số 09/2023/TT-BTTTT ngày 28/7/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông (bản mô tả VTVL chuyên viên về quản lý báo chí)	
25	Chuyên viên chính về quản lý thông tin điện tử	Chuyên viên chính về quản lý thông tin điện tử	Chuyên viên chính	X		Quy định tại Phụ lục I, Mục II (số thứ tự 5), Thông tư số 09/2023/TT-BTTTT ngày 28/7/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông (bản mô tả VTVL chuyên viên chính về quản lý thông tin điện tử)	
26	Chuyên viên về quản lý thông tin điện tử	Chuyên viên về quản lý thông tin điện tử	Chuyên viên	X		Quy định tại Phụ lục I, Mục II (số thứ tự 6), Thông tư số 09/2023/TT-BTTTT ngày 28/7/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông (bản mô tả VTVL chuyên viên về quản lý thông tin điện tử)	

27	Chuyên viên chính Quản lý hoạt động đầu tư xây dựng	Chuyên viên chính Quản lý hoạt động đầu tư xây dựng	Chuyên viên chính	X		Phụ lục I, danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành xây dựng; Phụ lục II bản mô tả khung năng lực VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành xây dựng (số thứ tự 8) theo Thông tư số 11/2023/TT-BXD ngày 20/10/2023 của Bộ Xây dựng	Ban Quản lý dự án Đầu tư và Xây dựng ngành BHHH
28	Chuyên viên Quản lý hoạt động đầu tư xây dựng	Chuyên viên Quản lý hoạt động đầu tư xây dựng	Chuyên viên	X		Phụ lục I, danh mục VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành xây dựng; Phụ lục II bản mô tả khung năng lực VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành xây dựng (số thứ tự 9) theo Thông tư số 11/2023/TT-BXD ngày 20/10/2023 của Bộ Xây dựng	

Ghi chú: (1) Trong thời gian chờ Thông tư của Bộ quản lý nhà nước ban hành danh mục VTVL chuyên ngành đối với BHHH Việt Nam, sau khi xin ý kiến Bộ Nội vụ, BHHH Việt Nam tạm thời áp dụng Danh mục vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành tại các Thông tư: Thông tư số 54/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 Hướng dẫn về VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành tài chính trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực tài chính; Thông tư số 10/2023/TT-BLĐTBXH ngày 17/10/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Hướng dẫn vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành lao động, người có công và xã hội trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực lao động, người có công và xã hội; Thông tư số 19/2023/TT-BYT ngày 6/11/2023 Hướng dẫn VTVL công chức nghiệp vụ chuyên ngành y tế

PHỤ LỤC IV

DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM HỖ TRỢ, PHỤC VỤ THUỘC HỆ THỐNG BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2035/QĐ-BHXH ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam)

STT	Tên VTVL	Cấp Trung ương	Cấp tỉnh	Cấp huyện	Căn cứ quy định	Đơn vị áp dụng
1	Nhân viên kỹ thuật	x	x		Quy định tại Phụ lục III (số thứ tự 1) danh mục VTVL thuộc nhóm hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính (Thông tư 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL về nhân viên kỹ thuật)	Văn phòng BHXH Việt Nam; Văn phòng BHXH tỉnh
2	Nhân viên y tế cơ quan	x			Quy định tại Phụ lục III (số thứ tự 2) danh mục VTVL thuộc nhóm hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính (Thông tư 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL về nhân viên y tế cơ quan)	Văn phòng BHXH Việt Nam
3	Nhân viên phục vụ	x	x	x	Quy định tại Phụ lục III (số thứ tự 3) danh mục VTVL thuộc nhóm hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính (Thông tư 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL về nhân viên phục vụ)	Văn phòng BHXH Việt Nam; Văn phòng/ Phòng Hành chính - Tổng hợp thuộc các đơn vị sự nghiệp; Văn phòng BHXH cấp tỉnh; BHXH huyện

4	Nhân viên lễ tân	x			Quy định tại Phụ lục III (số thứ tự 4) danh mục VTVL thuộc nhóm hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính (Thông tư 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL về nhân viên lễ tân)	Văn phòng BHXH Việt Nam
5	Nhân viên bảo vệ	x	x	x	Quy định tại Phụ lục III (số thứ tự 5) danh mục VTVL thuộc nhóm hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính (Thông tư 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL về nhân viên bảo vệ)	Văn phòng BHXH Việt Nam; Văn phòng BHXH cấp tỉnh; BHXH cấp huyện
6	Nhân viên lái xe	x	x	x	Quy định tại Phụ lục III (số thứ tự 6) danh mục VTVL thuộc nhóm hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính (Thông tư 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ, Bản mô tả VTVL về nhân viên Lái xe)	Văn phòng BHXH Việt Nam; Văn phòng/ Phòng Hành chính - Tổng hợp thuộc các đơn vị sự nghiệp; Văn phòng BHXH cấp tỉnh; BHXH cấp huyện